

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý nhà nước về Giá
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 30/2013/TT-BYT ngày 04/10/2013 của Bộ Y tế ban hành Danh mục sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc hàng hóa thực hiện bình ổn giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của liên Bộ: Tài chính, Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 03/3/2015 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính hướng dẫn chi tiết các mặt hàng thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện bình ổn giá và kê khai giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 236/TTr-STC ngày 23 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *lue*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT (TT).

53

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bón

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số 28 /2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện bình ổn giá; định giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; thanh tra chuyên ngành về giá; kê khai giá; thẩm định giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ

Điều 2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Giá năm 2012; Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; Điều 3, 4, 5, 6, 7 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 03/3/2015 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Điều 1 Thông tư số 30/2013/TT-BYT ngày 04/10/2013 của Bộ Y tế.

2. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, báo cáo Chính phủ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 3. Trường hợp thực hiện bình ổn giá

Trường hợp thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 4 và khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (sau đây viết tắt là Nghị định số 177/2013/NĐ-CP).

Điều 4. Trách nhiệm trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ trên địa bàn tỉnh:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các Sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo dõi diễn biến giá cả thị trường các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá, báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý;

b) Khi giá cả thị trường các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý, Sở Tài chính chủ trì cùng Sở Công Thương, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố theo thẩm quyền các biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

- Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá có biến động bất thường và Chính phủ đã có quyết định biện pháp bình ổn giá, Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quyết định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Đăng ký giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 quy định này.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá: Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính (Thông tư số 56/2014/TT-BTC).

Danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc diện đăng ký giá được đăng tải trên Website của Sở Tài chính, Sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

3. Phân công trách nhiệm trong việc đăng ký giá

a) Sở Tài chính:

- Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá trên địa bàn tỉnh. Định kỳ vào ngày 01/7 hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá tại địa phương.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính kết quả thực hiện đăng ký giá theo quy định.

b) Sở Y tế: Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá, thông báo danh sách các đối tượng thực hiện đăng ký giá đối với mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Các Sở chuyên ngành:

- Rà soát và cung cấp danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá thuộc lĩnh vực ngành quản lý gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, thông báo theo quy định.

- Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện việc thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ngành quản lý. Định kỳ hàng tháng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện hoặc khi có yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thực hiện bình ổn giá.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện):

- Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá của các cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy trình tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).

- Phối hợp thông báo danh sách cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá trên địa bàn theo định kỳ hoặc yêu cầu.

- Thực hiện báo cáo tình hình tổ chức thực hiện đăng ký giá theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

đ) Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông:

Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng chuyên trang, chuyên mục để thông báo các biện pháp, chính sách của Nhà nước đối với công tác quản lý giá trên địa bàn.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

5. Thời điểm đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

6. Cách thức thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ

Điều 6. Phân công trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định, trình và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Tỷ lệ phân trăm (%) làm cơ sở xác định đơn giá cho thuê đất, cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh;

- Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm định phương án giá của các Sở, ngành, cơ quan và các đơn vị có liên quan lập đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này; riêng đối với việc thẩm định giá đất thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá sau khi được Sở Tài chính thẩm định; cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

- Giá cây trồng, vật nuôi để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Sở Xây dựng xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

- Giá nhà xây dựng mới, tài sản, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Giao thông Vận tải xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định Giá cước vận tải hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Bảng giá các loại đất; bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh;

- Hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;

- Giá đất cụ thể đối với thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 10 tỷ đồng trở lên để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;

- Giá tính thuế tài nguyên khoáng sản; giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các loại giá khác theo quy định.

đ) Sở Y tế xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.

g) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ngành chuyên môn thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tham gia xây dựng, đề

xuất phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 7. Điều chỉnh mức giá do Nhà nước định giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống phải kịp thời điều chỉnh giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP. Trường hợp không điều chỉnh giá thì áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoạt động được bình thường và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công trách nhiệm quy định tại Điều 6 Quy định này để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá.

Mục 3

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 8. Trường hợp Nhà nước thực hiện thẩm định giá

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản theo yêu cầu hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao, mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước, cụ thể như sau:

1. Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

2. Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá đối với tài sản nhà nước trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước đã đăng công khai thông tin sau 15 (mười lăm) ngày làm việc mời cung cấp dịch vụ thẩm định giá nhưng không có doanh nghiệp thẩm định giá nào tham gia, trừ trường hợp đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

3. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về danh mục bí mật nhà nước;

4. Mua tài sản nhà nước có giá trị lớn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, tùy từng trường hợp cụ thể và xét thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 9. Phân công trách nhiệm thẩm định giá

1. Lãnh đạo Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá các loại tài sản quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 Quy định này thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã là Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá các loại tài sản quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 8 Quy định này thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

3. Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là Chủ tịch Hội đồng.

4. Các thành viên khác của Hội đồng thực hiện theo quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

Mục 4

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 10. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Các trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá và hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 26 Luật Giá.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá và xử lý vi phạm đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Mục 5

THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁ

Điều 11. Thanh tra chuyên ngành về giá

1. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn tỉnh Đắk Nông.
2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.
3. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

Mục 6

KÊ KHAI GIÁ

Điều 12. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.
2. Trường hợp cần thiết phải bổ sung hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 13. Thực hiện kê khai giá

1. Đối tượng thực hiện kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Danh sách các đối tượng thực hiện kê khai giá được đăng tải trên Website của Sở Tài chính, Sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Phân công trách nhiệm thực hiện kê khai giá

a) Sở Tài chính:

- Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh kê khai giá trên địa bàn tỉnh. Định kỳ vào ngày 01/7 hàng năm; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai tại địa phương.

- Chủ trì hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

- Báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kê khai giá tại địa phương.

b) Các Sở, ngành khác có liên quan:

- Phối hợp với Sở Tài chính trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

- Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính trong việc báo cáo kết quả thực hiện kê khai giá thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

- Phối hợp kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về kê khai giá theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính trong việc báo cáo kết quả thực hiện kê khai giá thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

3. Cách thức thực hiện kê khai giá; quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 15, Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Mục 7

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 14. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Chương III

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIÁ

Điều 15. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Giá.

2. Các tổ chức sản xuất, kinh doanh lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ có liên quan thuộc danh mục Nhà nước định giá tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan chủ quản và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá có trách nhiệm đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính phủ; các Thông tư số 56/2014/TT-BTC, Thông tư số 38/2014/TT-BTC và Thông tư số 31/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan;

2. Giao Sở Tài chính tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố các thủ tục hành chính về giá; hướng dẫn quy trình tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá đối với những hàng hóa thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại quy định này để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá tại địa phương.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh để Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết. *du*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten Signature]
Nguyễn Bôn